

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST  
Ngày 30-8-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vy Thị Thu Trang;

Bà Phùng Thị Thu ..

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Đông - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, thư ký Tòa án; điểm cầu thành phần tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn gồm có: Bị cáo, Kiểm sát viên, Thư ký, cán bộ chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ; đối với vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1991, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ, con bà Lương Thị V; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 19 tháng 6 năm 2024 đến nay; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 19/6/2024, Tổ công tác phòng chống ma túy Công an huyện C phối hợp với Công an xã V, huyện C đang làm nhiệm vụ tại thôn P, xã V, huyện C phát hiện Trần Văn T có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ trong túi áo đằng trước bên trái

đang mặc của Trần Văn T có 01 (một) gói giấy nhiều màu sắc, có chữ, bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) xi lanh loại 03ml/cc bằng nhựa, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0337.335.376. Trần Văn T khai nhận chất bột màu trắng có trong gói giấy trên là ma túy Heroin do Trần Văn T mua tại khu vực Chợ B1 thuộc xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với một người đàn ông không quen biết với giá 300.000 đồng để đem về sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đưa Trần Văn T về Công an xã V lập biên bản sự việc và niêm phong tang vật theo quy định. Tiến hành kiểm tra nhanh chất ma túy trong cơ thể của Trần Văn T cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 709/KL-KTHS ngày 21/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chất bột màu trắng có trong 01 (một) gói giấy (có nhiều màu sắc, có chữ) gửi giám định là chất ma túy Heroin, có khối lượng 0,158 gam (đã trừ bì).

Trần Văn T khai nhận: Bản thân là người nghiện ma túy H, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 14 giờ ngày 19/6/2024 Trần Văn T đi bộ từ nhà tại thôn B, xã H, huyện H sang thôn M, xã V, huyện C mục đích để đến khu vực Chợ B thuộc huyện V tìm mua ma túy. Khi đi đến thôn M, xã V, Trần Văn T đi nhờ xe mô tô của người đi đường (không quen biết) đến thôn P, xã V, sau đó tiếp tục đi nhờ xe mô tô của một người đi đường khác (không quen biết) đến ngã ba T, xã T rồi đón xe ô tô khách đến khu vực Chợ B thuộc huyện V. Trần Văn T gặp một người đàn ông (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ), qua nói chuyện biết Trần Văn T đang tìm mua ma túy, thì người này hỏi muốn mua bao nhiêu, Trần Văn T nói mua 300.000 đồng rồi đưa tiền cho người đàn ông, người này cầm tiền rồi đi đâu không rõ, khoảng 20 phút sau người này quay lại đưa cho Trần Văn T 01 (một) gói ma túy bọc bằng giấy nhiều màu sắc. Sau khi mua được ma túy, Trần Văn T tìm chỗ vắng người lấy một phần ma túy ra tự sử dụng bằng hình thức chích. Số ma túy còn lại Trần Văn T cất trong túi áo đằng trước bên trái đang mặc rồi đón xe ô tô khách đến ngã ba T, xã T, sau đó xuống xe rồi đi nhờ xe mô tô người qua đường (không quen biết) đến xã V. Khi đi đến thôn P, xã V, Trần Văn T xuống xe, đang đi bộ thì bị Công an huyện C kiểm tra, phát hiện và thu giữ gói ma túy.

Vật chứng gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,137 gam chất ma túy Heroin và vỏ bao gói (cũ);
- 01 (một) xi lanh loại 03ml/cc, bằng nhựa, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim có số: 0337.335.376.

Các vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xử lý theo quy định.

Cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố: Bị cáo Trần Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai rõ toàn bộ hành vi vi phạm như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, tiêu hủy 01 xi lanh; trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn T xin Hội đồng xét xử cho hưởng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 19/6/2024 tại thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,158 gam chất ma túy Heroin, mục đích để sử dụng cá nhân.

[3] Về nguồn gốc số ma túy xác định theo lời khai của bị cáo Trần Văn T, ngày 19/6/2024 Trần Văn T đến khu vực chợ B1, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, mua ma túy với một người đàn ông không quen biết, mục đích mua về sử dụng. Ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nguồn gốc số ma túy nên không có cơ sở để kết luận về nguồn gốc số ma túy và người bán ma túy cho bị cáo.

[4] Bị cáo Trần Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy có đủ khả năng để nhận thức việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích có ma túy để sử dụng, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần Văn T tàng trữ trái phép 0,158 gam chất ma túy Heroin. Vậy đã có đủ các căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 43/CT-VKSCL ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Chất ma túy Heroine mà bị cáo tàng trữ là một trong các chất gây nghiện được quy định trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ ban hành. Các hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm (Quy định tại Điều 5 Luật Phòng chống ma túy). Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống con người, phá hoại hạnh phúc gia đình vv... Để góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời tăng cường giáo dục và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về nhân thân: bị cáo Trần Văn T chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính là người sử dụng trái phép chất ma túy nên là người có nhân thân không tốt. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không có.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo Trần Văn T khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù cho bị cáo theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với phong bì niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; xi lanh nhựa, vỏ bao gói, là vật không còn giá trị sử dụng do vậy cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện

kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

[10] Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, hình phạt và về xử lý vật chứng, án phí đối với bị cáo Trần Văn T là có căn cứ.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 Điều 47; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 19 tháng 6 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì có chữ viết tay họ tên Trần Văn T (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh T1, đại diện cơ quan trung cầu và các hình dấu của Phòng K tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,137 gam chất ma túy Heroin và vỏ gói giấy bạc (cũ); 01 (một) xi lanh loại 03ml/cc, bằng nhựa đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim có số 0337.335.376.

*(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 14 tháng 8 năm 2024).*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Bị cáo;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Thế Khuynh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vy Thị Thu Trang    Phùng Thị Thu**

**Hoàng Thế Khuynh**

[3] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi do bị cáo thực hiện. Lời khai nhận tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; bản kết luận giám định pháp y về tử thi, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, cụ thể:

[4] Khoảng 22 giờ 08 phút ngày 23/02/2024 tại Km 59+700 Quốc lộ A thuộc địa phận thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Văn B không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 98C-073.41 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 98R-032.75 không tuân thủ Luật Giao thông đường bộ và quy tắc khi tham gia giao thông, không chú ý quan sát, không thực hiện giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi qua đoạn đường có biển báo hiệu cảnh báo nguy hiểm, dẫn đến xảy ra va chạm với ông Hoàng Văn V1 là người đi bộ qua đường. Hậu quả làm ông Hoàng Văn V1 tử vong. Với hành vi này đã đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hoàng Văn B phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 38/CT-VKSCL ngày 27/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo Hoàng Văn B xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông

công cộng, hậu quả đã gây thiệt hại tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Xác định lỗi của bị cáo trong vụ tai nạn là lỗi vô ý, do Hoàng Văn B điều khiển xe ô tô trong tình trạng không có giấy phép lái xe hợp lệ, không chấp hành quy định về tham gia giao thông đường bộ, không tuân thủ luật giao thông đường bộ, gây ra vụ tai nạn, hậu quả làm 01 người chết. Hành vi của Hoàng Văn B đã vi phạm vào khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ; vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ, được cụ thể hóa tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G. Đối với bị hại ông Hoàng Văn V1 là người đi bộ qua đường cũng có một phần lỗi vì thiếu chú ý quan sát các xe đang đi tới, qua đường không đảm bảo an toàn dẫn đến xảy ra vụ tai nạn giao thông. Hành vi của ông Hoàng Văn V1 đã vi phạm vào khoản 3 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, có cân nhắc đến tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn B là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hoàng Văn B không có; về tình tiết giảm nhẹ: Khi vụ tai nạn xảy ra bị cáo đã kịp thời thăm hỏi, tích cực bồi thường thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; ông nội của bị cáo là ông Hoàng Thế V2 có công được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba; năm 2023 bị cáo được Ban chấp hành Đ1, Đoàn thanh niên cộng sản H1, huyện S, tỉnh Bắc Giang, tặng Giấy khen, do có thành tích trong công tác tình nguyện. Bị cáo Hoàng Văn B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo Hoàng Văn B ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Sau khi bị cáo bị khởi tố về hành vi Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, ngày 14/3/2024; bị cáo Hoàng Văn B đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử tại Bản án số 66/2024/HS-PT ngày 02/5/2024, bị cáo bị xử phạt 03 năm 08 tháng tù, về tội Đánh bạc, do đó cần tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo vì không cần thiết phải cấm bị cáo hành nghề sau khi đã chấp hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Văn B và gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại tổng số tiền 160.000.000 đồng, theo biên bản hòa giải ngày 04 tháng 3 năm 2024, gia đình bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận nêu trên vì đúng quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

[9] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn B 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 240188031225 mang tên Hoàng Văn B vì không phải là vật chứng, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn B bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm vì chịu án phí là trách nhiệm của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Hoàng Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì bị cáo đã thực hiện bồi thường trước khi mở phiên tòa.

[11] Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị về mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn B phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù của Bản án số 66/2024/HS-PT ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Hoàng Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 08 (tám.) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Hoàng Văn B đã bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân Hoàng Văn V1 tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Hùng Thị S là người đại diện ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn B 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 240188031225 mang tên Hoàng Văn B do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 06/11/2018, có giá trị đến ngày 06/11/2028.

(Vật chứng lưu giữ tại kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ngày 28/6/2024).

5. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an huyện C, Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ, Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Hoàng Thế Khuynh**